

Bản án số: 168/2020/HSST

Ngày: 30/06/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hg Văn Hạnh.

Bà Đỗ Hảo H.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2020, tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 161/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2020/QĐXXST-HS ngày 18/6/2020 đối với bị cáo:

T, sinh năm 1998, tại Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Xóm H, xã T1, Đ, Phú Thọ; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L và bà T2; TATS: không. Danh bản, chỉ bản số 249 do Công an quận Cầu Giấy lập ngày 24/3/2020. Bị can bị bắt truy nã ngày 18/03/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 – Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị L1, sinh năm 1991. Vắng mặt.

HKTT: Phô P, thị trấn A, huyện A1, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh L2, sinh năm 1991. Vắng mặt.

HKTT: Tổ dân phố 14, phường C, quận B, Hà Nội.

Anh T3, sinh năm 1990. Vắng mặt

HKTT: Tổ 15, cụm 3, phường T4, quận T5, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2018, T có quen biết với chị L1 (SN 1991, HKTT: phố P, thị trấn A, A1, tỉnh Hưng Yên, chỗ ở: Phòng 304 chung cư số 172 T4, B, Hà Nội) thông qua H (SN 1992, HKTT: T5, T6, Thái Bình, là người yêu của T). Khoảng tháng 10/2018, do không có xe mô tô để đi lại nên T đã được chị L1 nhiều lần cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Zip BKS: 30F6 - 4060 để sử dụng. Sau khi sử dụng xe thì T đều trả lại như đã hẹn.

Đến khoảng 17 giờ ngày 26/10/2018, chị L1 đi làm về đến sảnh văn phòng nhà xe T7, phía sau bên xe M, phường M 2, L, Hà Nội thì gặp T, tại đây T mượn chiếc xe mô tô BKS: 30F6 - 4060 của chị L1 để sử dụng thì được chị L1 đồng ý. T sử dụng chiếc xe của chị L1 đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô trên để lấy tiền tiêu xài. Tại phòng trọ ở địa chỉ số 07 đường M, L, Hà Nội, T cùng H bàn bạc mượn giấy đăng ký xe để T đi đón mẹ ở Giải Phóng và ngày hôm sau sẽ đưa mẹ đi chữa bệnh. Sau đó, H điều khiển xe mô tô BKS: 30F6 - 4060 đưa T đến gặp chị L1 nói nội dung trên (H đứng ở ngoài đợi) và được chị L1 đồng ý cho mượn giấy đăng ký xe. Có được đăng ký xe, H chở T về phòng trọ. Tại đây, H dùng điện thoại gọi cho L2 (SN 1991, HKTT và chỗ ở: TDP 14, phường C 1, B, Hà Nội) để hẹn bán xe. Trưa ngày 27/10/2018, H và T đi xe mô tô BKS: 30F6 - 4060 đến cửa hàng mua bán xe cũ tại địa chỉ số 86 C, phường D, quận C, Hà Nội của anh Lợi bán với giá 7.000.000 đồng. Ngay sau đó, anh Lợi tiếp tục bán chiếc xe trên cho anh T3 (SN 1990, HKTT: Tổ 15, cụm 3, phường T4, T5, Hà Nội) với giá 7.500.000 đồng. Chiều ngày 27/10/2018, chị L1 đã gọi điện thoại cho T nhiều lần để T trả xe nhưng T không nghe máy, nhắn tin không trả lời. Đến ngày 20/7/2019, khi chị T lên T mạng “chợ tốt” thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Zip BKS: 30F6 - 4060 được rao bán nên đã trình báo ra Cơ quan công an.

Cơ quan điều tra – Công an quận Nam Từ Liêm đã thu giữ của T3: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Zip BKS: 30F6 - 4060, màu bạc; số khung: HM 520000013555; số máy: 14029.

Kết luận định giá tài sản số 319/TCKH-BBĐGHĐ ngày 29/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Zip BKS: 30F6 - 4060, màu bạc; số khung: HM 520000013555; số máy: 14029, giá trị: 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra - Công an quận Nam Từ Liêm đã nhiều lần triệu tập nhưng T không có mặt theo giấy triệu tập. Ngày 24/01/2020, Cơ quan

cảnh sát điều tra - Công an quận Nam Từ Liêm đã ra quyết định truy nã bị can. Ngày 18/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã bắt được T. Ngày 18/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Nam Từ Liêm đã ra quyết định đình nã và quyết định phục hồi điều tra vụ án.

Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên. Lời khai của T phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

T khai nhận: Sau khi mượn xe của chị L1 để sử dụng thì đến 22h00 ngày 26/10/2018, T và H nảy sinh ý định bán chiếc xe máy Piaggio Zip BKS: 30F6 - 4060 để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã đến mượn đăng kí xe của chị L1. Sau khi mượn được đăng kí xe, trưa ngày 27/10/2018, T và H đã đem xe mô tô đến chỉ số 86 C, phường D, quận C, Hà Nội của anh L2 bán với giá 7.000.000 đồng. T và H đã tiêu xài hết số tiền này.

Chị L1 khai: do tin tưởng T nên ngày 26/10/2018 đã cho T mượn xe mô tô và giấy đăng kí xe để đưa mẹ T đi chữa bệnh. Sau khi lấy được xe mô tô và đăng kí xe T đã không trả lại. Chị L1 gọi điện nhiều lần không liên lạc được nên đến ngày 20/7/2019 đã đến Công an phường Mỹ Đình 02, Nam Từ Liêm, Hà Nội để trình báo.

Đối với hành vi của đối tượng H, Cơ quan điều tra - Công an quận Nam Từ Liêm đã nhiều lần triệu tập nhưng không có mặt. Ngoài lời khai của T, không còn tài liệu chứng cứ khác để có căn cứ xử lý đối tượng H. Vì vậy, Cơ quan điều tra - Công an quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định tách rút tài liệu có liên quan đến đối tượng H để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với anh L2, anh T3 quá trình điều tra xác định khi mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Zip, BKS: 30F6 - 4060, anh L2 và anh T3 không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Zip, BKS: 30F6 - 4060, tra cứu tại phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội. Đăng kí xe mang tên T6 - Sinh năm: 1962; ĐKTT: P202, Nhà E Đ, phường H, quận H, Hà Nội. Tra cứu xe không có trong cơ sở dữ liệu xe mô tô vật chứng. Anh Thắng khai: Năm 2008, mua xe tại cửa hàng Đại Cồ Việt, sau đó không có nhu cầu sử dụng nên đã bán xe năm 2010. Anh T7 khai: năm 2017 mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Zip, BKS: 30F6 - 4060 trên để sử dụng. Khi mua xe có giấy đăng kí xe nhưng đã làm mất. Sau đó, do không có nhu cầu sử dụng nên cho chị L1. Chị L1 khai: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Zip, BKS: 30F6 - 4060 được anh T6 cho để sử dụng. Xác định thuộc sở hữu của chị L1, ngày 27/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cùng

đăng ký xe cho chị L1 quản lý và sử dụng, chị L1 đã nhận lại chiếc xe trên và không có thắc mắc, đề nghị gì về dân sự.

Về bồi thường dân sự: Chị L1 đã nhận lại tài sản và không đề nghị về việc bồi thường dân sự. Bị cáo đã bồi thường số tiền 7.000.000 đồng cho anh L2. Anh L2 đã trả lại cho anh T3 số tiền 7.500.000 đồng. Sau khi nhận lại tiền, anh L2 và anh T3 không có ý kiến gì khác, không đề nghị gì về dân sự.

Cáo trạng số 172/CT - VKSCG ngày 04/06/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân quận Cầu Giấy giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo T, xử phạt bị cáo T mức án tù 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù.

Về dân sự: Chị L1 đã nhận lại tài sản và không đề nghị về việc bồi thường dân sự. Bị cáo đã bồi thường số tiền 7.000.000 đồng cho anh L2. Anh L2 đã trả lại cho anh T3 số tiền 7.500.000 đồng. Sau khi nhận lại tiền, anh L2 và anh T3 không có ý kiến gì khác, không đề nghị gì về dân sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi do mình thực hiện là phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T trình bày lời nói sau cùng: bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối hận và mong muốn được sự khoan hồng để có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kết luận giám định, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu

chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 26/10/2018, T đến nhà xe T6, Cổng sau Bến xe Mỹ Đình, đường N, phường M 02, quận N, Hà Nội mượn xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Zip BKS: 30F6 - 4060 của chị L1 sử dụng. Đến khoảng 22h00, T nảy sinh ý định bán xe mô tô để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã nói dối chị L1 là mượn giấy đăng kí xe để đến đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, Hà Nội đón mẹ T đi chữa bệnh. Sau khi mượn được giấy đăng kí xe, trưa ngày 27/10/2018, T đã đến địa chỉ số 86 C, phường D, quận C, Hà Nội của anh L2 bán với giá 7.000.000 đồng. T đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Nhận xét về nhân thân và lượng hình đối với bị cáo: Tính chất hành vi phạm tội thể hiện: bị cáo là một người đã trưởng thành do lười lao động, thích hưởng thụ nên thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Xét thấy cần phải có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để đảm bảo sức răn đe phòng ngừa tội phạm và giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, đồng thời bị cáo chưa có tiền án tiền sự, lần phạm tội này là lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về tang vật: Không.

[5] Về dân sự: Chị L1 đã nhận lại tài sản. Bị cáo đã bồi thường số tiền 7.000.000 đồng cho anh L2. Anh L2 đã trả lại cho anh T3 số tiền 7.500.000 đồng. Sau khi nhận lại tài sản, chị L1 không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự; sau khi nhận lại tiền, anh L2 và anh T3 không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền L2 nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội **Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo T **06 (Sáu) tháng tù** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Không

3. Về dân sự: Không.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm) ngày** kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại, những người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn **15 (Mười lăm) ngày** kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng.
- Lưu Hồ sơ, lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng